

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2024/HS-ST

Ngày: 08/3/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trương Công Huân

Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Hậu

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Giáo
- Ông Nguyễn Thành Châu
- Ông Hồ Văn Cẩm

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Bùi Huy Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Ông Phạm Văn Hiền - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 08/3/2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, số A đường N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 05/2024/HSST ngày 04/01/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 622/2024/QĐXXST-HS ngày 15/02/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lý Thành Q**; sinh năm 1982 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 193/117 đường N, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: kinh doanh; con ông Lý Thành D và bà Lê Thị Thu V; vợ tên Huỳnh Thị Thùy T; có 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2009;

Tiền án, tiền sự: không;

Tạm giam: 06/6/2022;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo:

1. Ông **Lê Huy H**, luật sư Văn phòng L1, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt (có đơn xin vắng mặt);

2. Ông **Trần Hữu L**, luật sư Văn phòng L1, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

Bị hại: **Công ty TNHH T4**; địa chỉ C đường P, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp: Bà **Phạm Thanh H1**; sinh năm 1964; nơi cư trú: 16 đường F, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo pháp luật (giám đốc Công ty); có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Vũ Phương T1**; sinh năm 1987; nơi đăng ký thường trú: 177/2 đường L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Chí Hòa, trong một vụ án khác); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 07/2020, thông qua ông Từ Đạt C và bà Nguyễn Thị P (là những môi giới) đã giới thiệu với bà Phạm Thanh H1 (Giám đốc Công ty TNHH T4) rằng: Công ty TNHH T5 (có địa chỉ trụ sở đặt tại số A đường V, Phường G, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh do Lý Thành Q làm Giám đốc) là đại lý cấp 1 của Công ty TNHH Q2 (công ty S đạt tiêu chuẩn xuất khẩu).

Đồng thời, để tạo niềm tin cho Công ty T4, phía Công ty T5 đã cung cấp Hợp đồng mua bán hàng hóa số 05/T.D-2020/HĐMBHH ngày 07/06/2020 giữa Công ty T5 với Công ty TNHH Q2, để chứng minh Công ty T5 có nguồn hàng đủ tiêu chuẩn theo yêu cầu của Công ty T4.

Bà H1 đại diện cho Công ty T4 và bị cáo Q đại diện cho Công ty T5 đã ký kết với nhau 04 Hợp đồng đặt cọc giữ giá, nhằm xác định số lượng và giá mua bán sản phẩm găng tay y tế, thời gian ký hợp đồng mua bán, thời gian giao hàng theo tiến độ, cụ thể như sau:

-Hợp đồng đặt cọc giữ giá Hợp đồng số 202020/COC GTAY SUP ngày 24/07/2020: số lượng 10.000 thùng găng tay, đơn giá 1.550.000đ/thùng; ngày sẽ ký Hợp đồng chính thức và giao hàng là ngày 14/08/2020; giá trị giữ giá là 1.000.000.000đ;

-Hợp đồng đặt cọc giữ giá Hợp đồng số 22020/COC GTAY SUP ngày 30/07/2020: số lượng 10.000 thùng găng tay, đơn giá 1.550.000đ/thùng, ngày ký hợp đồng chính thức và giao hàng là ngày 20/08/2020; giá trị giữ giá là 1.000.000.000đ;

-Hợp đồng đặt cọc giữ giá Hợp đồng số 242020/COC GTAY SUP ngày 31/07/2020: số lượng 10.000 thùng găng tay, đơn giá 1.550.000đ/thùng, ngày ký Hợp đồng chính thức và giao hàng là 25/08/2020, giá trị giữ giá là 1.000.000.000đ;

-Hợp đồng đặt cọc giữ giá Hợp đồng số 242020/COC GTAY SUP ngày 07/08/2020: số lượng 30.000 thùng găng tay, đơn giá 1.570.000đ/thùng, ngày ký

hợp đồng chính là 20/8/2020 và giao hàng của tháng 08/2020 từ ngày 20/08/2020 - 03/09/2020, giá trị giữ giá theo tiến độ từ T.08/2020 đến T.12/2020 là 3.000.000.000đ.

Thực hiện theo các hợp đồng đã ký, Công ty T4 đã chuyển 6.000.000.000đ vào tài khoản số 41146868 của Công ty T5 mở tại Ngân hàng A, cụ thể: Ngày 25/7/2020, chuyển 1.000.000.000đ; ngày 30/7/2020, chuyển 1.000.000.000đ; ngày 31/7/2020, chuyển 1.000.000.000đ; ngày 10/8/2020 chuyển 3.000.000.000đ (chuyển 02 lần, 01 lần chuyển 2.500.000.000đ và 01 lần chuyển 500.000.000đ.

Tuy nhiên, đến thời hạn ký hợp đồng chính thức và giao hàng, Công ty T6 không tiến hành ký kết Hợp đồng chính thức, không giao hàng. Đến ngày 15/08/2020, bà H1 đến trụ sở Công ty T5 thì gặp bà Vũ Phương T1 (Phó giám đốc Công ty T5). Bà T1 hứa rằng Công ty T5 sẽ tiếp tục tìm kiếm nguồn hàng để cung cấp cho Công ty T4 nhưng sau đó vẫn không thực hiện.

Đến ngày 09/09/2020, bà H1 và Q thống nhất lập Biên bản làm việc, ghi nhận nội dung như sau: Q đồng ý chuyển trả lại tiền đặt cọc cho Công ty T4 làm nhiều đợt. Tuy nhiên, sau đó, Q đã cắt liên lạc và bỏ trốn khỏi nơi cư trú, không hoàn lại tiền cho Công ty T4, Công ty T5 thì đóng cửa, không hoạt động.

Nhận được đơn tố giác của Công ty T4, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu để làm rõ sự việc, kết quả như sau:

-Xác minh tại Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và Chi cục thuế Q3, được biết: Công ty T5 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0316244404 ngày 23/04/2020; địa chỉ trụ sở đặt tại số A đường V, Phường G, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; Lý Thành Q là Giám đốc kiêm đại diện theo pháp luật; hiện tại, chưa làm thủ tục đăng ký giải thể.

-Xác minh tại Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội Công an Thành phố Hồ Chí Minh; Ủy ban nhân dân, Công an phường N, Quận A, được biết như sau: Lý Thành Q thực hiện khai báo thông tin căn cước công dân có địa chỉ thường trú tại 1 đường N, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng Q không cư trú tại địa chỉ đăng ký, hiện tại ở đâu không rõ, số điện thoại của Lý Thành Q không liên lạc được.

-Kết quả xác minh tại Công an P1, Quận D về việc Lý Thành Q khai báo cư trú tại địa chỉ số H đường N, Phường B, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh: Q không còn cư trú tại địa chỉ vừa nêu, đi đâu, làm gì không rõ.

-Xác minh tại Công an phường B, Quận A, được biết: Bà Vũ Phương T1 có đăng ký thường trú tại địa chỉ 1 đường L, phường B, Quận A. Tuy nhiên, thực tế thì bà T1 không cư trú tại địa chỉ vừa nêu. Hiện nay, bà T1 đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Chí Hòa trong 01 vụ án khác.

-Xác minh tại Công ty TNHH Q2, được biết: Công ty TNHH Q2 không ký kết hợp đồng mua bán với Công ty T5 và bị cáo Lý Thành Q. Bản photo Hợp đồng mua bán hàng hóa số 05/T.D-2020/HĐMBHH giữa Công ty T5 do Lý Thành

Q làm đại diện và Công ty Q2 do ông Lin K-Tang làm đại diện, là hợp đồng không có thật.

Tiến hành xác minh về các tài khoản ngân hàng của Công ty T5 và các đối tượng liên quan, xác định được như sau:

-Sau thời điểm Công ty T4 chuyển 6.000.000.000đ đến tài khoản số 41146868 của Công ty T5, mở tại Ngân hàng A - Phòng G1, Q đã rút tiền mặt và chuyển khoản đến nhiều tài khoản khác nhau, cụ thể như sau:

+Chuyển 1.146.000.000đ vào tài khoản cá nhân của Q mang số 41148888 mở tại A, với nội dung ghi chi lương, trả tiền mua xe.

+Chuyển 1.975.000.000đ đến các tài khoản khác nhau, có nội dung liên quan đến việc mua bán khẩu trang y tế.

+Chuyển 815.800.000đ vào các tài khoản khác nhau, có nội dung ghi chi trả thuê kho, tiền HDGTGT, tiền cho vợ, tiền nhà...

+Chuyển 2.580.000.000đ vào các tài khoản của Vũ Phương T1 ghi nội dung: “Cọc Supper”.

Hiện tại, số dư còn trong tài khoản số 41146868 của Công ty T5, mở tại Ngân hàng A là 90.565.520đ. Cơ quan điều tra đã yêu cầu Ngân hàng A tiến hành ngăn chặn giao dịch rút tiền đối với tài khoản nêu trên. Đã chuyển tiền vào tài khoản của cơ quan điều tra.

-Tài khoản số 0181003629559 của Vũ Phương T1 mở tại Ngân hàng V1 - Chi nhánh N: Từ ngày 27/7/2020 đến ngày 08/08/2020, tài khoản này có nhận 1.080.000.000đ từ tài khoản số 41146868 của Công ty T5 chuyển đến ghi nội dung chuyển là “Coc supper, KTYT”. Sau khi nhận tiền, tài khoản này chỉ phát sinh các giao dịch thanh toán tiền mua khẩu trang, mua vé máy bay và chuyển khoản vào các tài khoản khác với nội dung: Thành Đạt chuyển khoản, chuyển khoản hoàn cọc, Thành Đ hoàn trả giao dịch, chuyển khoản trả tiền, Công ty T5 cọc maza, chuyển khoản cọc khẩu trang. Không có giao dịch mua bán gang tay với Công ty T4. Hiện tài khoản này không còn số dư. Từ ngày 22/7/2020 đến ngày 25/7/2020, T1 chuyển tổng cộng 650.000.000đ đến tài khoản 8610168688888 mang tên Nguyễn Mạnh T2 mở tại Ngân hàng M, có nội dung: "Ck tra tien gang tay", "ck tra tien vay". Ngày 10/8/2020, tài khoản 8610168688888 mang tên Nguyễn Mạnh T2 nhận số tiền mặt chuyển vào là 790.000.000đ. Theo lời khai của T1 thì vào ngày 10/8/2020, theo chỉ đạo của Q, T1 có chuyển 800.000.000đ tiền mặt vào tài khoản vừa nêu của T2. Ngoài ra, theo kết quả xác minh thì từ ngày 04/7/2020 đến ngày 8/9/2020, T1 chuyển khoản 168.500.000đ đến tài khoản số 109871171456 mang tên Nguyễn Mạnh T2 mở tại M, ghi nội dung chuyển tiền là “ck”. Theo hồ sơ lưu giữ tại ngân hàng thì Nguyễn Mạnh T2 sinh năm 1991, CMND số 35508037, địa chỉ thường trú: thôn Q, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định ủy thác điều tra vụ án gửi Công an huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc đề điều tra, xác minh, thu thập hồ sơ tài liệu, ghi lời khai đối với Nguyễn Mạnh T2 làm rõ mối quan hệ giữa T2 với Q và T1, rõ việc sử dụng số tiền do T1 chuyển

cho T2. Tuy nhiên, Công an huyện V cho biết, T2 không thực tế cư trú ở địa phương đi đâu không rõ.

Ngoài ra, xác định được vào ngày 28/7/2020, T1 còn chuyển 30.000.000đ từ tài khoản 0181003629559 của T1 đến tài khoản số 67210000939829 của Nguyễn Minh Q1 mở tại Ngân hàng B, nội dung chuyển tiền ghi “k coc 10 thung khâu trang giay kenko”. Tuy nhiên, trong cùng ngày, Q1 đã chuyển khoản trả lại số tiền 30.000.000đ cho T1.

Ngày, 22/7/2020, T1 chuyển 100.000.000đ đến tài khoản số 105806777777 của Nguyễn Văn T3 mở tại Ngân hàng V2. Hiện tài khoản số 0181003629559 của Vũ Phương T1 không còn số dư.

-Tài khoản số 19033737365014 của Vũ Phương T1 mở tại Ngân hàng T7 - Chi nhánh T8: Ngày 10/08/2020, tài khoản này có nhận tổng số tiền 1.500.000.000đ từ tài khoản số 41146868 của Công ty T5 chuyển đến, ghi nội dung: Coc supper. Sau khi nhận tiền, tài khoản này chỉ phát sinh các giao dịch thanh toán tiền mua khẩu trang và chuyển khoản đến các tài khoản khác ghi nội dung: Thành Đạt chuyển khoản hoàn cọc, Thành Đ hoàn cọc giữ giá, chuyển khoản trả thay Q, Thành Đ chuyển khoản hoa hồng, chuyển khoản tiền khẩu trang. Không có giao dịch mua bán gang tay với Công ty T4. Hiện không còn số dư trong tài khoản.

Kết quả xác minh thông tin tài sản của bị cáo Lý Thành Q:

-Phòng Cảnh sát Giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cho biết: không tìm thấy dữ liệu đăng ký xe và thực hiện làm thủ tục phương tiện nào đối với Lý Thành Q có căn cước công dân là 079082004889 và Công ty TNHH T6, có mã số doanh nghiệp là 0316244404.

-Văn phòng Đăng ký Đất đai Thành phố Hồ Chí Minh có văn bản cho biết như sau: Theo văn bản của các Chi nhánh Văn phòng Đ trực thuộc (gồm: Chi nhánh văn phòng Đ, Quận E, Quận F, Quận G, Quận H, Quận A, Quận A, Quận A, quận B, G, quận P, quận T, quận T, huyện B, huyện C, huyện C, huyện H và huyện N), nhận thấy chưa có thông tin liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận và đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của Lý Thành Q. Văn phòng Đ và các Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai trực thuộc còn lại vẫn đang tiếp tục kiểm tra thông tin và tiếp tục cung cấp thông tin theo yêu cầu.

Kết quả trưng cầu giám định:

Cơ quan Cảnh sát Điều tra đã ra Quyết định trưng cầu giám định tài liệu đối với các hồ sơ bản chính liên quan đến tài khoản của Công ty T5 do Ngân hàng A cung cấp; bản chính Biên bản làm việc giữa Công ty T5 với Công ty T4; và bản lần dấu vân tay của Lý Thành Q tại buổi làm việc với Cơ quan điều tra ngày 07/10/2020. Kết luận giám định số 5208/KLGD-TT ngày 27/09/2021, xác định: Chữ ký, chữ viết họ tên Lý Thành Q trên các tài liệu giám định đúng là chữ ký của Q; dấu vân tay trên tài liệu giám định so với vân tay trên thông tin căn cước công dân của Lý Thành Q là của cùng một người.

Kết quả ghi lời khai:

Bị cáo Q khai:

Q là Giám đốc Công ty T5. Công ty T5 không có sẵn nguồn hàng để bán cho khách, Q không gặp, không giao dịch trực tiếp với Công ty TNHH Q2 nhưng vẫn sử dụng Hợp đồng số 05/T.Đ-2020/HĐMBHH ngày 07/06/2020 (do Vũ Phương T1 đưa cho Q) có nội dung Công ty T5 mua găng tay Vinyl không bột và găng tay Nitrile xanh không bột của Công ty Q2 sản xuất, mục đích là để tạo niềm tin với khách hàng là Công ty T5 có khả năng cung cấp găng do Công ty Q2 sản xuất.

Quân ủy quyền cho T1 làm Phó giám đốc Công ty T5. T1 là người tiến hành trao đổi, giao dịch mua bán găng tay với Công ty T4. Do giá găng tay y tế có nhiều biến động trên thị trường nên Công ty T5 yêu cầu Công ty T4 ký và tạm ứng tiền đặt cọc giữ giá. Hợp đồng mua bán giữa Công ty T4 và Công ty T5 là do Q trực tiếp ký. Sau khi nhận tiền và quá thời hạn giao hàng theo thỏa thuận, Công ty T5 không có hàng để giao. Ngày 09/09/2020, Q có gặp bà H1 và lập văn bản thỏa thuận gia hạn thời gian giao hàng với lý do Công ty Q2 giao hàng chậm trễ nên Công ty T5 không cung cấp được hàng cho Công ty T4, Công ty Q2 cũng không trả lại tiền cọc cho Công ty T5.

Sau khi nhận tiền của Công ty T4 chuyển vào tài khoản số 41146868 của Công ty T5 mở tại Ngân hàng A, Q đã chuyển khoản một phần cho T1, chuyển khoản cho một số đối tác để mua khẩu trang y tế, một phần chuyển khoản vào tài khoản số 41148888 của Q mở tại Ngân hàng A. Sau đó, Q lấy tiền sử dụng cá nhân, không thực hiện hợp đồng với Công ty T4. Do nợ nần nhiều nhưng không có khả năng trả nợ, lo sợ bị bắt nên ngày 8/10/2020, sau khi làm việc tại Cơ quan điều tra, Q đã trốn sang Campuchia. Hiện tại, Q không còn tiền hay tài sản gì để khắc phục hậu quả.

Bà Phạm Thanh H1 (Giám đốc Công ty T4) trình bày:

Trong quá trình giao dịch với Công ty T5, bà H1 không trực tiếp giao dịch, mà thông qua ông Từ Đạt C1 là người môi giới. Trong quá trình giao dịch, phía Công ty T5 giới thiệu là Đại lý cấp 1 của Công ty TNHH Q2. Công ty T5 yêu cầu Công ty T4 ký Hợp đồng đặt cọc giữ giá và tạm ứng tiền đặt cọc giữ giá cho 60.000 thùng găng tay y tế đã đặt mua. Tất cả những nội dung trao đổi cũng như việc ký kết các Hợp đồng đặt cọc giữ giá đều thông qua Từ Đạt Chi, bà không gặp trực tiếp Q. Từ ngày 25/07/2020 đến ngày 10/08/2020, Công ty T4 đã 5 lần chuyển tiền đến tài khoản số 41146868 của Công ty T5 mở tại Ngân hàng A của Công ty T5, tổng số tiền đã chuyển là 6.000.000.000đ.

Quá thời hạn thực hiện hợp đồng nhưng Công ty T5 không thực hiện nên ngày 09/09/2020, bà H1 gặp Q, đôi bên lập biên bản làm việc với nội dung: Q sẽ chuyển trả lại tiền đặt cọc cho Công ty T4 làm nhiều đợt. Tuy nhiên, sau đó bà H1 không liên lạc được với Q, văn phòng Công ty T5 thì đóng cửa, Công ty T5 không còn hoạt động.

Từ Đạt C khai: C là người trực tiếp thoả thuận với Công ty T6, Nguyễn Thị P là nhân viên môi giới cho Công ty T5. Thông qua tìm kiếm thông tin trên nhóm Zalo chuyên bán gang tay y tế, C liên hệ với P, P giới thiệu là nhân viên bán hàng của Công ty T5, là đại lý của các hãng sản xuất mặt hàng gang tay y tế. P cung cấp thông tin của Công ty TNHH Q2 và giới thiệu Công ty T5 là đại lý cấp 1 của Công ty TNHH Q2. Sau khi đạt được thoả thuận, P cung cấp cho C hồ sơ để làm thủ tục mua hàng có nội dung: Công ty T4 thông báo đặt mua hàng gang tay của Công ty Q2 thông qua Đại lý cấp 1 là Công ty T5. Chi chuyển hồ sơ cho Công ty T4 ký và chuyển lại cho P để làm thủ tục mua hàng.

Nguyễn Thị P khai: P chỉ là người làm môi giới, các thông tin Công ty T6 là đại lý của Công ty TNHH Q2 do Q cung cấp và có đưa cho P xem Hợp đồng bản chính ký với Công ty Q2. Do đó, P tin tưởng Công ty T5 có hàng để bán cho Công ty T4.

Vũ Phương T1 khai:

Khoảng tháng 05/2020, T1 có làm việc cho Công ty T5, dưới sự quản lý trực tiếp của Q. Thảo phụ trách tìm kiếm nguồn cung cấp khẩu trang, gang tay y tế và tìm khách hàng cho Công ty T5. Đến tháng 07/2020, T1 được bổ nhiệm làm Phó giám đốc Công ty T5 và được ủy quyền ký Hợp đồng kinh tế trong thời gian Q đi công tác. Tuy nhiên, mọi hoạt động của Công ty T5 vẫn do Q điều hành, quản lý.

Q là người trực tiếp làm việc, giao dịch, ký kết hợp đồng với Công ty T4. Sau khi Công ty T4 chuyển tiền vào tài khoản của Công ty T5, Q đã chuyển vào tài khoản cá nhân của T1 mở tại Ngân hàng V1, T7 với nội dung: coc supper. Sau đó, thực hiện theo sự chỉ đạo của Q, T1 dùng số tiền này để trả cho khách hàng mua khẩu trang trước đó; phần còn lại chuyển vào tài khoản cá nhân của Q.

Hợp đồng mua bán hàng hóa số 05/T.D-2020/HDMBHH ngày 07/06/2020 giữa Công ty T5 và Công ty TNHH Q2 là do Q đưa cho nhân viên bán hàng để tìm kiếm, giao dịch với khách hàng. T1 không biết gì về hợp đồng này.

Tài sản là tiền bị tạm giữ: Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ 90.565.520đ là số tiền còn lại trong tài khoản 41146868 của Công ty T5. Số tiền này đang được gửi trong tài khoản tạm giữ của Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu Công an Thành phố Hồ Chí Minh mở tại Kho bạc Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại bản Cáo trạng số 488/CT-VKS-P3 ngày 12/9/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật hình sự).

Tại phiên tòa,

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như đã khai tại cơ quan điều tra. Đồng thời, bị cáo khai rằng Hợp đồng số 05/T.D-2020/HDMBHH ký kết giữa Công ty T5 và Công ty Q2 là do T1 đưa cho bị cáo ký trước, sau đó bị cáo giao lại cho T1. Sau đó, bà T1 chỉ gửi file hình ảnh hợp đồng cho bị cáo nên bị cáo không có bản

chính. Vì tin tưởng T1 nên bị cáo đã chuyển tiền cho T1 để thanh toán tiền cho Công ty Q2.

Bà T1 thì phủ nhận lời khai đã nêu của bị cáo.

Bà H1 yêu cầu bị cáo trả lại 6.000.000.000đ.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội như sau:

Căn cứ lời khai của bị cáo, kết quả giám định, các tài liệu, chứng cứ thu thập được, có đủ cơ sở để xác định truy tố của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là đúng pháp luật. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên nên cần áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 để tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử kết án các bị cáo theo toàn bộ nội dung Cáo trạng.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 48 Bộ luật hình sự,

-Xử phạt bị cáo từ 16 đến 18 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

-Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại 6.000.000.000đ.

Bị cáo bào chữa như sau: Việc Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xác định bị cáo phạm tội nhiều lần là không đúng, bởi lẽ thời gian giao tiền là khác nhau nhưng 04 hợp đồng được ký cùng một lần.

Luật sư bào chữa cho bị cáo như sau:

Việc xác định bị cáo phạm tội nhiều lần là không đúng. Trong vụ án này, vai trò của T1, C, P chưa được làm rõ; bị cáo đã chuyển cho bà G 1.000.000.000đ để mua khẩu trang. Nhưng theo bị cáo khai trình thì bà G chưa thực hiện hợp đồng. Bà T1 khai rằng theo chỉ đạo của bị cáo, bà T1 đã chuyển 2.580.000.000đ cho người khác. Tuy nhiên, bị cáo không thừa nhận việc này. Vì các lý do đã nêu, cần hoàn trả hồ sơ cho Viện kiểm sát để điều tra bổ sung.

Kiểm sát viên tranh luận như sau: Công ty T4 đã ký 04 hợp đồng với bị cáo, đã giao tiền 04 lần chuyển tiền cho bị cáo. Do vậy, việc xác định bị cáo phạm tội 02 lần trở lên là đúng pháp luật. Theo lời khai của bị cáo tại phiên tòa thì bà T đã thực hiện được một phần hợp đồng. Giao dịch giữa bà G và bị cáo là giao dịch dân sự. Bị cáo là người trực tiếp ký hợp đồng với Công ty T4; mặt khác, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bà T1 khai việc bà chuyển tiền cho người khác là thực hiện theo sự chỉ đạo của bị cáo. Vì các lý do đã nêu, việc luật sư đề nghị hoàn hồ sơ cho Viện kiểm sát để điều tra bổ sung là không có căn cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình

sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, luật sư bào chữa, các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi của người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2]. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, kết quả giám định, lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, có căn cứ để xác định:

Bị cáo Lý Thành Q là giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH T5 (Công ty T5). Mặc dù biết được rằng Công ty T5 và cá nhân Q không có khả năng cung cấp cho người khác gang tay y tế do Công ty TNHH Q2 (Công ty Q2) sản xuất. Tuy nhiên, thông qua sự môi giới của ông Từ Đạt C và bà Nguyễn Thị P, trong khoảng thời gian từ 25/7/2020 đến 07/8/2020, với tư cách là người đại diện theo pháp luật của Công ty T5, Q đã ký 04 “Hợp đồng giữ giá” với Công ty T4 (Công ty T4). Theo các hợp đồng giữ giá đã đề cập thì Công ty T4 phải chuyển cho Công ty T5 6.000.000.000đ để đảm bảo cho việc giao kết và thực hiện hợp đồng mua bán 60.000 thùng gang tay y tế do Công ty Q2 sản xuất.

Trong quá trình thỏa thuận giao kết hợp đồng, bị cáo đã cung cấp thông tin gian dối cho Nguyễn Thị P (người môi giới), mạo nhận Công ty T5 là đại lý cấp 1 của Công ty Q2; đồng thời, đưa cho P bản photo “hợp đồng mua bán hàng hóa” số 05/T.D-2020/HĐMBHH ngày 07/06/2020 giữa Công ty T5 và Công ty TNHH Q2 để chứng minh Công ty T5 có khả năng cung cấp gang tay y tế do Công ty Q2 cung cấp. Tin là thật nên P cũng giới thiệu lại với ông Từ Đạt C (người môi giới cho Công ty T4); ông Từ Đạt C cũng tin là thật nên đã giới thiệu lại với Công ty T4. Công ty T4 đã tin tưởng vào sự giới thiệu của P, C và Q nên đã ký kết 04 hợp đồng giữ giá với Công ty T5 (do Q làm đại diện) và chuyển 6.000.000.000đ vào tài khoản của Công ty T5.

Trong thời gian sau đó, theo sự chỉ đạo của Q, T1 chuyển tiền từ tài khoản của Công ty T5 đến tài khoản cá nhân của Q và T1, rồi tiếp tục chuyển tiền từ tài khoản của T1 đến các tài khoản khác, cụ thể như sau:

- Chuyển 1.146.000.000đ vào tài khoản số 41148888 của cá nhân Lý Thành Q mở tại ngân hàng A với nội dung ghi chi lương, trả tiền mua xe (chuyển nhiều lần);

- Chuyển 1.080.000.000đ vào tài khoản 0181003629559 của Vũ Phương T1 mở tại Ngân hàng V1-Chi nhánh N; chuyển 1.500.000.000đ vào tài khoản 19033737365014 của Vũ Phương T1 mở tại Ngân hàng T7 - Chi nhánh T8 (việc chuyển tiền được thực hiện nhiều lần, ghi nội dung chuyển tiền là “Cọc Supper”;

- Chuyển 1.975.000.000đ vào các tài khoản khác nhau có nội dung liên quan việc mua bán khẩu trang y tế.

- Chuyển 815.800.000đ vào các tài khoản khác nhau có nội dung ghi: chi trả tiền thuê kho, tiền HĐGTGT, tiền cho vợ, tiền nhà...

- Q rút một phần tiền mặt để dùng cho cá nhân.

-Số dư còn trong tài khoản của Công ty T5 là 90.565.520đ.

Sau khi chuyển tiền từ tài khoản của Công ty T5 đến các tài khoản cá nhân của mình, thực hiện theo sự chỉ đạo của Q, T1 đã chuyển tiền đến các tài khoản khác như sau:

-Từ ngày 22/7/2020 đến ngày 25/7/2020, T1 nhiều lần chuyển tiền từ tài khoản 0181003629559 của T1 mở tại V1-Chi nhánh N đến tài khoản 8610168688888 mang tên Nguyễn Mạnh T2 mở tại Ngân hàng M, nội dung chuyển tiền ghi là "Ck tra tien gang tay", "ck tra tien vay"; tổng số tiền là đã chuyển là 650.000.000đ;

-Ngày 22/7/2020, T1 chuyển 100.000.000đ từ tài khoản 19033737365014 của T1 mở tại T7 - Chi nhánh T8 đến tài khoản số 105806777777 của Nguyễn Văn T3 mở tại V2, nội dung chuyển tiền ghi là "thanh dat hoan tra giao dich". Hiện không còn số dư trong tài khoản.

Theo kết quả xác minh tại Ngân hàng V2, xác định được như sau: Tài khoản 109871171456 mang tên Nguyễn Mạnh T2, sinh năm 1991, CMND số 35508037, địa chỉ thường trú: thôn Q, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc) mở tại M. Từ ngày 04/7/2020 đến ngày 08/9/2020, T1 chuyển khoản 168.500.000đ đến tài khoản này, có nội dung ghi: "ck". Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định ủy thác điều tra vụ án gửi Công an huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc để điều tra, xác minh, thu thập hồ sơ tài liệu, ghi lời khai đối với Nguyễn Mạnh T2 làm rõ mối quan hệ giữa T2 với Q và T1, làm rõ việc sử dụng số tiền do T1 chuyển cho T2. Hiện chưa có kết quả.

[3].Căn cứ theo lời khai của bà P, bà T1 và bị hại, có cơ sở để xác định bị cáo đã đưa ra thông tin gian dối với P để P giới thiệu lại với C, C giới thiệu với bị hại, làm cho bị hại tin rằng Công ty T5 là Đại lý cấp 1 của Công ty Q2 nên có khả năng cung cấp gang tay y tế do Công ty Q2 sản xuất, theo như yêu cầu của Công ty T4. Từ đó, Công ty T4 mới ký hợp đồng và chuyển tiền cho Công ty T5. Sau khi nhận tiền của Công ty T4, Công ty T5 và cá nhân bị cáo không có hành vi tích cực mua hàng để bán lại cho Công ty T4. Việc chuyển số tiền nhận được của Công ty T4 cho người khác cũng không có sự minh bạch, cụ thể đó là không chuyển trực tiếp từ tài khoản của Công ty T5 mà chuyển đến tài khoản cá nhân của bị cáo và bà T1, rồi lại tiếp tục chuyển đến các tài khoản khác mà không giải thích được rõ ràng lý do chuyển tiền. Từ những lý do đã nêu, có căn cứ để xác định bị cáo đã có ý thức chiếm đoạt tiền của Công ty T4 trước khi ký kết hợp đồng với Công ty T4, việc giao kết hợp đồng chỉ là thủ đoạn để chiếm đoạt tài sản. Bị cáo khai rằng bị cáo tin tưởng T1 nên đã làm theo yêu cầu của T1, bị cáo không biết gì về hợp đồng đã ký kết với Công ty Q2. Nội dung bị cáo khai như vừa nêu là không có căn cứ, không được bà T1 thừa nhận nên không được sử dụng làm căn cứ để giải quyết vụ án.

[4].Về nội dung bào chữa của bị cáo và luật sư:

Bị cáo đã ký 04 hợp đồng giữ giá với Công ty T4 ở 04 thời điểm khác nhau, nội dung 04 hợp đồng cũng không giống nhau; Công ty T4 đã chuyển

6.000.000.000đ vào tài khoản của Công ty T5 ở các thời điểm khác nhau, trong đó có 03 lần mỗi lần chuyển 1.000.000.000đ, 01 lần chuyển 500.000.000đ và 01 lần chuyển 2.500.000.000đ. Do vậy, việc xác định bị cáo phạm tội 02 lần trở lên là có căn cứ. Việc luật sư cho rằng bị cáo chỉ phạm tội 01 lần là không có cơ sở.

Về việc làm rõ vai trò của C, P và T1: Trong quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã thực hiện điều tra về nội dung này; Tòa án cũng đã hoàn trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu điều tra bổ sung về những nội dung vừa nêu. Tuy nhiên, theo kết quả điều tra, không có cơ sở vững chắc để xác định C, P và T1 là đồng phạm. Do vậy, việc đề nghị Tòa án trả hồ sơ yêu cầu điều tra về những nội dung vừa nêu là không có căn cứ.

Bị cáo khai rằng bị cáo không biết gì về hợp đồng đã ký với Công ty Q2, vì tin tưởng T1 nên bị cáo đã ký trước vào hợp đồng cho T1 soạn sẵn rồi đưa cho T1; T1 cũng không giao hợp đồng bản chính cho bị cáo. Việc bị cáo khai như đã nêu là không có căn cứ, và không có tính thuyết phục, bởi các lẽ sau: Lời khai của bị cáo không được T1 thừa nhận; tại phiên tòa, bị cáo khai rằng bị cáo chuyển tiền cho T1 là để T1 thực hiện hợp đồng với Công ty Q2 nhưng bị cáo lại không cung cấp được hồ sơ ký kết hợp đồng với Công ty Q2, không kiểm soát việc chi tiền từ tài khoản của Công ty T5, việc này là bất thường.

[5].Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, xâm phạm đến trật tự công cộng. Bị cáo nhận thức được việc làm của mình là sai trái, bị luật pháp nghiêm cấm nhưng vì động cơ vụ lợi nên vẫn cố ý vi phạm.

[6].Căn cứ vào các nhận định đã nêu, đối chiếu với quy định của pháp luật, có đủ cơ sở để kết luận bị cáo đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự. Việc Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[7].Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt cần áp dụng đối với các bị cáo:

Hành vi của bị cáo có mức độ nguy hiểm đặc biệt lớn.

Bị cáo phạm tội nhiều lần. Do vậy, cần áp dụng tình tiết “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự để tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; đặc điểm nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng, cần áp dụng hình phạt tương xứng với bị cáo.

[8].Về các biện pháp tư pháp:

Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự, xử lý như sau:

Bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại 6.000.000.000đ. Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra có thu hồi được 90.565.520đ là tiền mà bị cáo chiếm đoạt của bị hại, số tiền này hiện đang được gửi giữ trong tài khoản của của Cơ quan cảnh sát

điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh. Do vậy, cần giao trả lại cho bị hại 90.565.520đ vừa nêu; đồng thời, buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền chênh lệch là 5.909.434.480đ.

Đối với các khoản tiền mà bị cáo đã chuyển đến các tài khoản mang tên Nguyễn Mạnh T2: Hiện tại, T2 không có mặt tại địa phương, Cơ quan điều tra chưa lấy được lời khai nên không có căn cứ để xác định mối quan hệ và giao dịch giữa T2 với bị cáo và bà T1. Do vậy, sau này nếu được làm rõ thì Cơ quan có thẩm quyền sẽ xử lý sau. Trong trường hợp nếu chỉ là giao dịch dân sự và có tranh chấp giữa các bên thì sẽ được giải quyết theo trình tự tố tụng dân sự.

[9].Các nhận định đã nêu cũng là căn cứ và lập luận để chấp nhận hoặc không chấp nhận ý kiến bào chữa của bị cáo, luật sư bào chữa tại phiên tòa.

[10].Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

1.Xử phạt bị cáo **Lý Thành Q** 16 (mười sáu) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; thời hạn tù tính từ ngày 06/6/2022.

2.Về các biện pháp tư pháp:

Giao cho Công ty TNHH T4 90.565.520đ (chín mươi triệu, năm trăm sáu mươi lăm nghìn, năm trăm hai mươi đồng) (hiện đang được gửi giữ trong tài khoản của Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu Công an Thành phố Hồ Chí Minh mở tại Kho bạc Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh, theo Lệnh chuyển có, số bút toán 00003120 ngày 08/12/2022, thanh toán điện tử liên ngân hàng).

Buộc bị cáo Lý Thành Q bồi thường cho Công ty TNHH T4 (năm tỷ, chín trăm lẻ chín triệu, bốn trăm ba mươi bốn nghìn, bốn trăm tám mươi đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong nghĩa vụ bồi thường đã nêu, người có nghĩa vụ phải thi hành còn phải trả thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3.Bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn) án phí hình sự sơ thẩm và 113.900.000đ (một trăm mười ba triệu, chín trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4.Bị cáo và các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5.Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2012 và được hợp nhất theo văn bản 32/VBHN-VPQH ngày 07/12/2020 của Văn phòng Quốc Hội (Luật thi hành án dân sự), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND cấp cao tại TP.HCM (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- Cục THADS TP.HCM; (1)
- Sở tư pháp TP.HCM; (1)
- Bị cáo; (8)
- Trại giam; (2)
- Người bào chữa; (1)
- Đương sự; (2)
- THAHS TP.HCM; (1)
- Phòng PC53 - CA TP. HCM; (1)
- UBND phường/xã nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ. (27) (4)

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Công Huân